TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2025
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm

2. Ông Lê Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 304/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh G, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp T, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là khóm Thị 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

1.2. Bà Ngô Thị Kim M, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là khóm Thị 2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp T, xã C, tỉnh An Giang (trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang) (Hợp đồng ủy quyền ngày 27/3/2025) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Mai Đại N, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2.2. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (đã chết ngày 09/8/2025);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N1:

2.2.1. Ông Mai Đại N, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2.2.2. Ông Mai Đại L, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt);

2.2.3. Ông Mai Đại V, sinh năm 1993; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (văng mặt);

2.2.4. Ông Mai Đại N2, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2: Ông Mai Đại N, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (là cha ruột) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.3. Ông Mai Đại L, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M do bà Nguyễn Thị T đại diện trình bày:

Ngày 01/9/2022, do quen biết nên ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M có cho ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại L nhiều lần vay tiền với tổng số tiền 850.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Thời hạn vay là đến khi ông G bà M yêu cầu ông N, bà N1 và ông L trả tiền nợ thì ông N, bà N1 và ông L sẽ có nghĩa vụ trả số tiền nợ 850.000.000 đông. Việc cho vay được thể hiện theo Biên nhận ngày 21/11/2023. Từ khi vay cho đến nay, ông N, bà N1 và ông L đã trả cho ông G, bà M số tiền lãi 50.500.000 đồng, không có trả tiền vốn.

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M không đồng ý với yêu cầu của ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại L về việc khấu trừ số tiền 261.000.000 (hai trăm sáu mươi mốt triệu) đồng đã đóng lãi vào số tiền vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng còn nợ ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M chỉ đồng ý

khấu trừ số tiền lãi 50.500.000 đồng (năm mươi triệu, năm trăm nghìn) đồng mà bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N đã đóng lãi vào số tiền vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng còn nợ ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M.

Nay ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M yêu cầu ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vay còn nợ là 799.500.000 (bảy trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày 01/9/2022 cho đến khi Tòa án xét xử xong.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Biên nhận ngày 21/11/2023 và trình bày của bị đơn, ngoài ra không còn chứng cứ nào khác.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 trình bày:

Do gia đình khó khăn về kinh tế nên ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 có vay tiền của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M nhiều lần, thoả lãi suất thoả thuận 3%/tháng, cụ thể các lần vay và trả lãi như sau:

Lần 1: Ngày 19/01/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 12/3/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và có đóng lãi của 02 tháng là 6.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 15/4/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 3.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 31/5/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 3.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 13/6/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 3.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 14/7/2022, vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 9.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 16/8/2022, vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 1.500.000 đồng.

Lần 8: Ngày 01/9/2022, vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và có đóng lãi lúc lấy tiền là 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền vay sau 8 lần vay tiền là 850.000.000 đồng và tổng số tiền đóng lãi là 28.500.000 đồng.

Đến ngày 01/9/2022, ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 có chốt số tiền vay với ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất tiền vay là 3%/tháng. Hằng tháng, ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 phải đóng lãi cho bên ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị

Kim M là: 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng. Sau đó, ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 đã đóng lãi cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 13/2/2023, đóng lãi với số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 01/7/2023, đóng lãi với số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

Lần 3: Ngày 19/7/2023, đóng lãi với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng;

Lần 4: Ngày 12/12/2023, đóng lãi với số tiền 32.500.000 (ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 5: Ngày 01/01/2024, đóng lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 6: Ngày 01/02/2024, đóng lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 7: Ngày 01/03/2024, đóng lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 8: Ngày 01/04/2024, đóng lãi với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

Lần 9: Ngày 01/10/2024, đóng lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 10: Ngày 01/11/2024, đóng lãi với số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 11: Ngày 01/12/2024, đóng lãi với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Tổng số tiền đóng lãi từ ngày 12/3/2022 đến 01/12/2024 là: 261.000.000 (hai trăm sáu mươi mốt triệu) đồng. Việc đóng lãi được thể hiện thông qua 04 tờ lịch đóng lãi, 03 tờ A4 đóng lãi có chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M

Do tình hình sức khoẻ của ông Mai Đại N có bệnh tiểu đường, huyết áp cao, tai biến và bà Trần Thị N1 có bệnh suy tim giai đoạn 3 nên mỗi lần đi đóng lãi ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 nhờ ông Mai Đại L đi đóng dùm. Chứ việc vay tiền của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M là do ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 đứng ra vay nên ông Mai Đại L không có liên quan đến số nợ của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M.

Nay bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N yêu cầu khấu trừ số tiền đã đóng lãi 261.000.000 đồng vào số tiền 850.000.000 đồng vốn gốc còn nợ của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng số tiền 589.000.000 đồng vì trong thời gian vay, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N đã

đóng lãi cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M với tổng số tiền 261.000.000 đồng. Đồng thời, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng.

Theo Tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Mai Đại L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N. Ông Mai Đại L đồng ý cùng với ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vay gốc đã chốt vào ngày 01/9/2022 là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 01/9/2022 cho đến khi Tòa án xét xử xong. Tuy nhiên, do bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N đã đóng lãi từ ngày 12/3/2022 đến 01/12/2024 với tổng số tiền 261.000.000 (hai trăm sáu mươi mốt triệu) đồng nên ông Mai Đại L yêu cầu khấu trừ số tiền đã đóng lãi 261.000.000 đồng vào số tiền 850.000.000 đồng vốn gốc còn nợ của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Ông Mai Đại L chỉ đồng ý trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng số tiền 589.000.000 đồng và xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng. Đồng thời, ông Mai Đại L đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn trong vụ án. Mục đích ông Mai Đại L ký tên trong Biên nhận ngày 21/11/2023 là để có trách nhiệm trả tiền cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M; thực tế ông Mai Đại L không có vay tiền của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M

Căn cứ chứng minh cho lời trình bày của các bị đơn:

- 04 tờ lịch đóng lãi;

- 03 tờ A4 đóng lãi;

- 01 tờ A4 thể hiện 08 đợt vay tiền;

- 01 tờ giấy biên nhận tiền lãi ngày 01/2/2024.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M do bà Nguyễn Thị T đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M cho bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L vay tiền nhiều lần, lãi suất 03%/tháng, đến ngày 21/11/2023, hai bên mới chốt lại số tiền nợ với tổng số tiền vay 850.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ; việc chốt lại số tiền cho vay được thể hiện theo Biên nhận ngày 21/11/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L đã trả lãi như sau:

Lần 1: Ngày 13/3/2023, trả lãi với số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng;

Lần 2: Ngày 01/7/2023, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 3: Ngày 01/01/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Lần 4: Ngày 01/02/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Tổng số tiền lãi đã trả là 101.500.000 đồng. Việc trả lãi được thể hiện theo các biên nhận có chữ ký của bà Ngô Thị Kim M và ông Nguyễn Thanh G do bị đơn cung cấp gồm: Biên nhận ngày 01/7/2023 (BL: 30), 13/3/2023 (BL: 32), 01/01/2024 và 01/02/2024 (được ông Mai Đại L cung cấp tại phiên tòa). Ngoài 04 (bốn) lần đóng lãi này thì không còn lần đóng lãi nào khác. Bà Ngô Thị Kim M và ông Nguyễn Thanh G đồng ý khấu trừ số tiền 101.500.000 đồng vào số tiền vốn gốc 850.000.000 đồng mà bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L còn nợ. Nay bà Ngô Thị Kim M và ông Nguyễn Thanh G xin xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng số tiền 971.500.000 (chín trăm bảy mươi mốt triệu, năm trăm nghìn) đồng, trong đó:

- Vốn gốc là: 748.500.000 (bảy trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng;

- Tiền lãi từ tháng 3/2024 đến tháng 9/2025 là: 748.500.000 đồng x 1,66%/tháng x 18 tháng = 223.000.000 (hai trăm hai mươi ba triệu) đồng.

Xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vốn gốc 101.500.000 (một trăm lẻ một triệu, năm trăm nghìn) đồng và yêu cầu tính lãi từ tháng 9/2022 đến tháng 2/2024.

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ minh bà Trần Thị N1 có để lại di sản cho những người thừa kế của bà Trần Thị N1.

Bị đơn ông Mai Đại L trình bày:

Bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N có vay của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng số tiền 850.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, không xác định thời hạn vay; việc cho vay được thể hiện theo Biên nhận ngày 21/11/2023 như ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M trình bày. Sau khi vay, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N có trả lãi cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 13/3/2023, trả lãi với số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 13/3/2023 (BL: 32);

Lần 2: Ngày 01/7/2023, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/7/2023 (BL: 30);

Lần 3: Ngày 19/7/2023, trả lãi với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 19/7/2023 (BL: 33);

Lần 4: Ngày 12/12/2023, trả lãi với số tiền 32.500.000 (ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 12/12/2023 (BL: 31);

Lần 5: Ngày 01/01/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/01/2024 (được ông Mai Đại L cung cấp tại phiên tòa);

Lần 6: Ngày 01/02/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/01/2024 (được ông Mai Đại L cung cấp tại phiên tòa);

Lần 7: Ngày 01/3/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/3/2024 (BL: 34);

Lần 8: Ngày 01/4/2024, trả lãi với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/4/2024 (BL: 34);

Lần 9: Ngày 01/10/2024, trả lãi với số tiền 25.500.000 (hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/10/2024 (BL: 34);

Lần 10: Ngày 01/11/2024, trả lãi với số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/11/2024 (BL: 35);

Lần 11: Ngày 01/12/2024, trả lãi với số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, việc trả lãi được thể hiện theo Biên nhận ngày 01/12/2024 (BL: 35).

Tổng số tiền lãi đã đóng là 261.000.000 (hai trăm sáu mươi mốt triệu) đồng.

Chỉ có bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N vay tiền của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Ông Mai Đại L chỉ là người đi đóng lãi thay bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N. Do đó, ông Mai Đại L không đồng ý có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Đồng thời, ông Mai Đại L yêu cầu khấu trừ số tiền đã đóng lãi 261.000.000 đồng vào số tiền vốn gốc 850.000.000 đồng còn nợ ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Bà Trần Thị N1 không có để lại di sản cho những người thừa kế.

Các đương sự khác vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thanh G, bà Ngô Thị Kim M và ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G, bà Ngô Thị Kim M.

- Buộc ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L trả ông Nguyễn Thanh G, bà Ngô Thị Kim M số tiền 748.500.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 01/3/2024 theo quy định pháp luật đến khi xét xử sơ thẩm.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L về việc trả số tiền vay cho ông Nguyễn Thanh G, bà Ngô Thị Kim M là 589.000.000 đồng đồng và lãi suất 20%/năm tỉnh từ ngày 01/9/2022 cho đến khi Tòa án xét xử.

- Đình chỉ đối với số tiền 50.000.000 đồng.

- Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc các hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị N1 gồm ông Mai Đại N, ông M đại L, Mai Đại V, ông Mai Đại N2 thực hiện cùng ông Mai Đại N, ông Mai Đại L trả ông Nguyễn Thanh G, bà Ngô Thị Kim M số tiền 748.500.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 01/3/2024 theo quy định pháp luật đến khi xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền đã vay 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng cùng lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Đồng thời, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp L, xã L, tỉnh An Giang (trước đây là ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 – An Giang (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang) thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn không đồng ý trả số tiền vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và có yêu cầu khấu trừ số tiền đã đóng lãi cho nguyên đơn vào

số tiền vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng còn nợ nguyên đơn. Đây chỉ là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không phải yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử vẫn xem xét, giải quyết mà không cho bị đơn đóng tiền tạm ứng án phí.

[1.3] Đối với bà Trần Thị N1, quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị N1 đã chết vào ngày 09/8/2025. Căn cứ vào lời khai của ông Mai Đại N, ông Mai Đại L và Biên bản xác minh ngày 08/9/2025, hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị N1 gồm ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, ông Mai Đại V, ông Mai Đại N2 nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang đã đưa ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, ông Mai Đại V, ông Mai Đại N2 vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N1. Đồng thời, căn cứ sổ khám bệnh, đơn thuốc của ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 thể hiện ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 cùng bị bệnh "Tâm thần phân liệt thể Paranoid (F20.0)"; lời khai của ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, Biên bản xác minh ngày 26/9/2025 xác định ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 bị mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2, Hội đồng xét xử xác định ông Mai Đại N là cha ruột của ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 làm người đại diện hợp pháp của ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.4] Ông Mai Đại N có văn bản ủy quyền cho ông Mai Đại L đại diện tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, ông Mai Đại L không thừa nhận trách nhiệm liên đới trong nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M cùng với ông Mai Đại N và bà Trần Thị N1 nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Đại L và ông Mai Đại N đang đối lập nhau. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho ông Mai Đại L đại diện cho ông Mai Đại N tham gia tố tụng trong vụ án.

[1.5] Ngày 08/8/2025, ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L có đơn yêu cầu giám định chữ viết của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M trên các biên nhận đóng lãi. Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang đã yêu cầu ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L cung cấp mẫu chữ viết của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M để làm mẫu so sánh và nộp chi phí giám định chữ viết. Tuy nhiên, ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại L không cung cấp mẫu chữ viết của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M, không nộp chi phí giám định chữ viết theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang không chấp nhận yêu cầu giám định chữ viết của ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại L; đồng thời, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo thủ tục chung.

[1.6] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn gốc 101.500.000 (một trăm lẻ một triệu, năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 9/2022 đến tháng

02/2024 theo Đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 (BL: 02). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M.

[1.7] Tại phiên tòa, ông Mai Đại N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Đại N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M yêu cầu bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vốn gốc là 748.500.000 (bảy trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M cho rằng nhiều lần cho bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L vay tiền, đến ngày 21/11/2023, các bên chốt lại số tiền vay với tổng số tiền 850.000.000 đồng, không xác định thời hạn trả nợ và có lập "Biên nhận ngày 21/11/2023". Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L chỉ trả lãi được 04 lần vào các ngày 13/3/2023, 01/7/2023, 01/01/2024 và 01/02/2024 với tổng số tiền 101.500.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M đồng ý khấu trừ số tiền 101.500.000 đồng vào số tiền vốn gốc còn nợ 850.000.000 đồng nên yêu cầu bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vốn gốc là: 850.000.000 đồng - 101.500.000 đồng = 748.500.000 đồng.

Bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N thừa nhận có xác lập hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 850.000.000 đồng với ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M theo "Biên nhận ngày 21/11/2023". Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N đã trả lãi cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M 11 lần vào các ngày 13/3/2023, 01/7/2023, 19/7/2023, 12/12/2023, 01/01/2024, 01/02/2024, 01/3/2024, 01/4/2024, 01/10/2024, 01/11/2024, 01/12/2024 với tổng số tiền 261.000.000 đồng nên yêu cầu khấu trừ số tiền 261.000.000 đồng vào số tiền vốn gốc 850.000.000 đồng còn nợ ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Đồng ý trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền: 850.000.000 đồng - 261.000.000 đồng = 589.000.000 đồng.

Ông Mai Đại L thừa nhận chữ ký tên Mai Đại L trong "Biên nhận ngày 21/11/2023" do ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M cung cấp là chữ ký của ông Mai Đại L nhưng cho rằng chỉ có bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N vay số tiền 850.000.000 đồng của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M; ông Mai Đại L đi chỉ trả lãi thay cho bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N. Do đó, ông

Mai Đại L không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M.

Xét thấy,

Bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại N thừa nhận có xác lập hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 850.000.000 đồng với ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M theo "Biên nhận ngày 21/11/2023"; ông Mai Đại L thừa nhận chữ ký tên Mai Đại L trong "Biên nhận ngày 21/11/2023" là chữ ký, chữ viết của ông Mai Đại L. Bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L cho rằng đã trả lãi cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng cộng 11 lần với tổng số tiền 261.000.000 đồng, tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M chỉ thừa nhận bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L đã đóng lãi được tổng số tiền 101.500.000 đồng theo các Biên nhận ngày 13/3/2023, 01/7/2023, 01/01/2024 và 01/02/2024 có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M. Đối với các lần đóng lãi ngày 19/7/2023, 12/12/2023, 01/3/2024, 01/4/2024, 01/10/2024, 01/11/2024, 01/12/2024 thì ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L nhưng bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Căn cứ Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định giữa ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M với bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có xác lập hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 850.000.000 đồng theo "Biên nhận ngày 21/11/2023". Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L đã đóng lãi được 04 lần vào các ngày 13/3/2023, 01/7/2023, 01/01/2024 và 01/02/2024 với tổng số tiền 101.500.000 đồng. Bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết và còn nợ lại ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vốn gốc 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng.

Xét thấy, việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự theo "Biên nhận ngày 21/11/2023" là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã giao kết. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L không thực hiện trả nợ như đã cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M đối với số tiền vốn gốc còn nợ 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền mà các bị đơn đã đóng lãi 101.500.000 đồng vào số tiền vốn gốc 850.000.000 đồng là có lợi cho các bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, yêu cầu của ông Nguyễn Thanh G

và bà Ngô Thị Kim M về việc buộc ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền vốn gốc là 748.500.000 (bảy trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng là có sở sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M yêu cầu bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả lãi với tổng số tiền 223.000.000 (hai trăm hai mươi ba triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M cho rằng việc cho vay có lãi suất, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L không trả lãi từ tháng 3/2024 cho đến nay. Do đó, ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn gốc 748.500.000 đồng với lãi suất 1,66%/tháng, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2024 cho đến ngày 9/2025: 748.500.000 đồng x 1,66%/tháng x 18 tháng = 223.000.000 đồng (làm tròn số).

Bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L cho rằng có trả lãi với lãi suất 3%/tháng cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M từ khi vay cho đến tháng 12/2024.

Xét thấy,

Bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L cho rằng có trả lãi với lãi suất 3%/tháng cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M từ khi vay cho đến tháng 12/2024 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M chỉ thừa nhận bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L trả lãi đến tháng 02/2024.

Căn cứ Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định: Bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi của khoản vay từ tháng 3/2024 cho đến nay.

Việc xác lập hợp đồng vay tài sản giữa các bên được pháp luật công nhận như đã phân tích ở mục [2.1] nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L không thực hiện nghĩa vụ trả lãi của khoản vay từ tháng 3/2024 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả lãi của bên vay theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M về việc buộc bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả lãi trên số tiền vốn gốc 748.500.000 đồng theo mức lãi suất 1,66%/tháng trong khoảng thời gian từ tháng 3/2024 đến tháng 9/2025 với số tiền: 748.500.000 đồng x 1,66%/tháng x 18 tháng = 223.000.000 đồng (làm tròn số) là có sở sở, phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, bà Trần Thị N1, ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả lãi cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M số tiền lãi là 223.000.000 đồng.

[2.3] Về trách nhiệm của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị N1 gồm ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 đối với nghĩa vụ tài sản do bà Trần Thị N1 để lại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Trần Thị N1 có xác lập hợp đồng vay tài sản và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M như đã phân tích tại mục [2.1] và [2.2] nhưng bà Trần Thị N1 đã chết vào ngày 09/8/2025 nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị N1 gồm ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Trần Thị N1 để lại theo quy định tại Điều 614 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, ông Mai Đại L cho rằng bà Trần Thị N1 không có để lại di sản; ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà Trần Thị N1 có để lại di sản; đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2025 và Công văn số 22/CNKVLXCM ngày 12/9/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai Khu vực liên xã C thể hiện bà Trần Thị N1 không có để lại di sản. Căn cứ Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không có căn cứ buộc những người thừa kế của bà Trần Thị N1 gồm ông Mai Đại N, ông Mai Đại L, ông Mai Đại V và ông Mai Đại N2 thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Trần Thị N1 để lại là có nghĩa vụ liên đới với ông Mai Đại N và ông Mai Đại L trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M tổng số tiền 971.500.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Do ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 26, 35, 39, 147, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, 466, 468, 614, 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M đối với yêu cầu buộc ông Mai Đại N, bà Trần Thị N1 và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn gốc là 101.500.000 (một trăm lẻ một triệu, năm trăm nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 9/2022 đến tháng 02/2024.

[2] Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M.

Buộc ông Mai Đại N và ông Mai Đại L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M nợ gốc và lãi của khoản vay theo Biên nhận ngày 21/11/2023 như sau:

Vốn gốc là: 748.500.000 (bảy trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm nghìn) đồng;

Tiền lãi từ tháng 3/2024 đến tháng 9/2025 là: 223.000.000 (hai trăm hai mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Đại N và ông Mai Đại L phải chịu 41.145.000 (bốn mươi mốt triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị Kim M được nhận lại số tiền 18.750.000 (mười tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0024187 ngày 27/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A).

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 11 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phước Sang